|  |  |
| --- | --- |
| CHÍNH PHỦSố: …/20… /NĐ-CPDỰ THẢO | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúcHà Nội, ngày … tháng … năm 20… |

**NGHỊ ĐỊNH**

**Về hoạt động viễn thám**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Đo đạc và Bản đồ ngày 14 tháng 6 năm 2018;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường,*

*Chính phủ ban hành Nghị định về hoạt động viễn thám.*

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị định này quy định về hệ thống thu nhận dữ liệu viễn thám; xây dựng, quản lý, vận hành cơ sở dữ liệu viễn thám; xử lý, lưu trữ, cung cấp, khai thác và sử dụng dữ liệu viễn thám.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

 Nghị định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động viễn thám trên lãnh thổ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

**Điều 3. Giải thích từ ngữ**

 Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Viễn thám* là lĩnh vực khoa học công nghệ cho phép nghiên cứu, thu thập các thông tin về các đối tượng địa lý mà không cần tiếp xúc trực tiếp với chúng.

2. *Hoạt động viễn thám* là các hoạt động có liên quan đến hệ thống thu nhận dữ liệu viễn thám; xử lý, lưu trữ, cung cấp, khai thác và sử dụng dữ liệu viễn thám; xây dựng, quản lý, vận hành cơ sở dữ liệu viễn thám.

3. *Công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu viễn thám* bao gồm các trạm thu dữ liệu viễn thám, trạm điều khiển vệ tinh viễn thám.

4. *Dữ liệu viễn thám* là các thông tin về các đối tượng địa lý được thu nhận từ các hệ thống thu nhận dữ liệu viễn thám.

5. *Dữ liệu viễn thám mức 0* là dữ liệu viễn thám được thu nhận trực tiếp tại trạm thu mà chưa qua bất cứ một quá trình hiệu chỉnh nào.

6. *Dữ liệu ảnh viễn thám thô* là dữ liệu viễn thám mức 0 được xử lý sơ bộ, nhằm loại bỏ sai số trong của đầu thu và tín hiệu nhiễu do ảnh hưởng của khí quyển.

*7. Dữ liệu ảnh viễn thám bản chính* là dữ liệu viễn thám thuộc phiên bản đầu tiên được mua hoặc nhận từ nước ngoài.

8. *Sản phẩm ảnh viễn thám* bao gồm dữ liệu viễn thám thô và dữ liệu viễn thám thô đã được hiệu chỉnh bức xạ, hình học.

 9. *Sản phẩm viễn thám* bao gồm sản phẩm ảnh viễn thám và các thông tin, dữ liệu chuyên đề được chiết xuất từ dữ liệu viễn thám.

 10*.* *Siêu dữ liệu viễn thám* là các thông tin mô tả về dữ liệu, sản phẩm viễn thám bao gồm nội dung, nguồn gốc, chất lượng và các thông tin khác có liên quan.

 **Điều 4. Nguyên tắc trong hoạt động viễn thám**

1. Hoạt động viễn thám phải đảm bảo cung cấp dữ liệu ảnh viễn thám phục vụ hoạt động đo đạc và bản đồ cơ bản và chuyên ngành.

2. Dữ liệu, siêu dữ liệu, sản phẩm viễn thám phải được cập nhật thường xuyên, cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, quan trắc, giám sát tài nguyên, môi trường, tìm kiếm cứu nạn, phòng chống thiên tai, quốc phòng, an ninh.

3. Công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu viễn thám xây dựng bằng ngân sách nhà nước là tài sản công, phải được kế thừa, sử dụng chung, được quản lý và bảo vệ theo quy định của pháp luật.

4. Cơ sở dữ liệu viễn thám quốc gia phải được duy trì, vận hành và cập nhật thường xuyên để xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia, bản đồ địa hình cơ bản quốc gia và dữ liệu không gian địa lý quốc gia, tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn thông tin mạng.

**Điều 5. Kinh phí thực hiện hoạt động viễn thám**

1. Ngân sách Trung ương bảo đảm cho công tác quản lý nhà nước về viễn thám ở các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ.

2. Kinh phí xây dựng, vận hành trạm thu dữ liệu viễn thám quốc gia, trạm điều khiển vệ tinh viễn thám; thu nhận, xử lý dữ liệu viễn thám mức 0; xây dựng, cập nhật, lưu trữ cơ sở dữ liệu viễn thám quốc gia và công bố siêu dữ liệu viễn thám quốc gia do ngân sách nhà nước đảm bảo theo quy định của pháp luật.

 3. Ngân sách địa phương bảo đảm cho công tác quản lý nhà nước về viễn thám tại địa phương.

4. Tổ chức, cá nhân tự bảo đảm kinh phí cho hoạt động viễn thám phục vụ nhu cầu sản xuất, kinh doanh của mình.

5. Mua dữ liệu viễn thám (nếu có) trong trường hợp trạm thu dữ liệu viễn thám của Việt Nam và cơ sở dữ liệu viễn thám quốc gia không đáp ứng được yêu cầu về khai thác và sử dụng dữ liệu viễn thám phải có ý kiến thẩm định của Bộ Tài nguyên và Môi trường, tuân thủ theo các quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và các văn bản quy định hiện hành. Không dùng nguồn vốn ngân sách nhà nước để mua dữ liệu viễn thám do nước ngoài thu nhận nếu các loại dữ liệu này đã thu được tại trạm thu dữ liệu viễn thám của Việt Nam hoặc đã có trong cơ sở dữ liệu viễn thám quốc gia đáp ứng được yêu cầu khai thác và sử dụng.

**Điều 6. Danh mục các hoạt động khoa học và công nghệ về viễn thám được ưu tiên**

1. Nghiên cứu cơ sở khoa học để hoàn thiện thể chế, pháp luật về viễn thám.

2. Nghiên cứu xây dựng, hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn quy trình công nghệ về hoạt động viễn thám.

3. Nghiên cứu phát triển, ứng dụng, chuyển giao công nghệ viễn thám trong điều tra cơ bản, quản lý, quan trắc và giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường, phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai, ứng phó biến đổi khí hậu, cứu hộ, cứu nạn; tổ chức và quản lý lãnh thổ; phục vụ quốc phòng, an ninh, chỉ đạo điều hành sản xuất.

**Điều 7. Hợp tác quốc tế về viễn thám**

 Nội dung cơ bản trong hợp tác quốc tế về viễn thám bao gồm:

1. Ký kết và tổ chức thực hiện điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế về viễn thám.

2. Thực hiện chương trình, dự án hợp tác quốc tế về viễn thám.

3. Trao đổi chuyên gia, đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực viễn thám.

4. Tham gia, tổ chức hội nghị, hội thảo, tọa đàm quốc tế về viễn thám.

5. Mua, bán, trao đổi tín hiệu, thông tin, dữ liệu, sản phẩm viễn thám với các nước, các tổ chức quốc tế.

6. Nghiên cứu, ứng dụng khoa học và chuyển giao công nghệ viễn thám.

**Điều 8. Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển lĩnh vực viễn thám**

1. Nguyên tắc xây dựng chiến lược phát triển lĩnh vực viễn thám như sau:

a) Xây dựng chiến lược phù hợp với chiến lược, quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, quy hoạch đô thị và quy hoạch nông thôn đảm bảo đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước, bảo đảm quốc phòng, an ninh; phòng, chống thiên tai, cứu hộ, cứu nạn, khắc phục sự cố môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu; thuận lợi cho cung cấp các dịch vụ công; bảo đảm khả năng kết nối liên thông với hạ tầng dữ liệu không gian địa lý giữa các bộ, ngành, địa phương;

b) Chiến lược phát triển lĩnh vực viễn thám được lập cho giai đoạn 10 năm, tầm nhìn 20 năm.

2. Chiến lược phát triển lĩnh vực viễn thám bao gồm các nội dung chính sau đây:

a) Quan điểm chỉ đạo;

b) Mục tiêu phát triển;

c) Chính sách phát triển lĩnh vực viễn thám quốc gia: xây dựng và hoàn thiện hệ thống chính sách, văn bản quy phạm pháp luật về viễn thám; phát triển hệ thống thu nhận dữ liệu viễn thám; ứng dụng và phát triển công nghệ viễn thám; phát triển nguồn nhân lực về viễn thám; đào tạo và nghiên cứu khoa học về viễn thám; đẩy mạnh hợp tác quốc tế về viễn thám;

d) Giải pháp thực hiện chiến lược; các chương trình, đề án, dự án trọng điểm;

đ) Huy động và sử dụng hiệu quả nguồn vốn đầu tư viễn thám;

e) Phân công trách nhiệm và tổ chức thực hiện chiến lược phát triển lĩnh vực viễn thám của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

3. Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ chiến lược phát triển lĩnh vực viễn thám đã được phê duyệt, tổ chức xây dựng kế hoạch phát triển ứng dụng viễn thám và triển khai thực hiện.

**Điều 9. Các ứng dụng viễn thám**

1. Dữ liệu ảnh viễn thám phục vụ giám sát về ô nhiễm môi trường: đất, nước do chất thải sinh hoạt và chất thải công nghiệp; không khí do khí phát thải công nghiệp và sinh hoạt; ô nhiễm môi trường do lũ lụt, xâm nhập mặn, sạt lở, các khoáng chất tự nhiên độc hại phát tán vào môi trường, khai thác khoáng sản; kiểm kê khí nhà kính.

2. Dữ liệu ảnh viễn thám phục vụ công tác thu thập thông tin, dữ liệu, phân tích, điều tra, đánh giá, theo dõi diễn biến tài nguyên, môi trường định kỳ và đột xuất nhằm đưa ra các báo cáo phục vụ phát triển kinh tế - xã hội; phòng, chống thiên tai; giám sát hạn hán, cảnh báo cháy rừng, diễn biến lũ lụt, cứu hộ cứu nạn và ứng phó với biến đổi khí hậu; hiện trạng tài nguyên môi trường biển, địa chất; hiện trạng sản xuất nông nghiệp.

3. Dữ liệu ảnh viễn thám phục vụ xây dựng, cập nhật bản đồ chuyên ngành và cơ sở dữ liệu chuyên đề về hiện trạng tài nguyên thiên nhiên và môi trường, thực trạng biến đổi khí hậu; lập bản đồ địa chất các tỷ lệ.

4. Dữ liệu ảnh viễn thám phục vụ cập nhật cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia, hệ thống bản đồ địa hình quốc gia.

5. Dữ liệu ảnh viễn thám phục vụ công tác quốc phòng, an ninh.

**Chương II
HỆ THỐNG THU NHẬN DỮ LIỆU VIỄN THÁM**

## Điều 10. Hệ thống thu nhận dữ liệu viễn thám

## Hệ thống thu nhận dữ liệu viễn thám bao gồm vệ tinh viễn thám, công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu viễn thám, hệ thống lưu trữ, xử lý dữ liệu viễn thám và mạng lưới truyền dẫn dữ liệu viễn thám.

## Điều 11. Vệ tinh viễn thám

1. Việc xây dựng và phát triển vệ tinh viễn thám bằng ngân sách nhà nước nhằm mục đích phục vụ công tác an ninh quốc phòng, phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn cứu hộ và giám sát tài nguyên môi trường phải được thực hiện theo kế hoạch đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

2. Cơ quan chủ quản vận hành vệ tinh viễn thám phải định kỳ hàng năm báo cáo các thông tin vận hành vệ tinh viễn thám, việc truyền tín hiệu vệ tinh viễn thám cho Bộ Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Chính phủ. Việc báo cáo đột xuất được thực hiện khi có yêu cầu bằng văn bản của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3. Vệ tinh viễn thám của Việt Nam phải ưu tiên cung cấp dữ liệu phục vụ công tác quốc phòng an ninh, phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn cứu hộ.

**Điều 12. Xây dựng công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu viễn thám**

1. Công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu viễn thám xây dựng bằng ngân sách nhà nước phải thực hiện theo kế hoạch và nhiệm vụ được cơ quan nhà nước có thẩm quyền được quy định như sau:

a) Thủ tướng Chính phủ phê duyệt kế hoạch xây dựng trạm thu dữ liệu viễn thám quốc gia;

b) Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường tổ chức triển khai xây dựng trạm điều khiển vệ tinh viễn thám, trạm thu dữ liệu viễn thám quốc gia thuộc phạm vi quản lý theo kế hoạch đã được phê duyệt;

 c) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ tổ chức triển khai xây dựng trạm điều khiển vệ tinh viễn thám, trạm thu dữ liệu viễn thám chuyên ngành tuân thủ theo các quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công, kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 05 (năm) năm được cấp có thẩm quyền giao và các văn bản quy định pháp luật về xây dựng hiện hành.

2. Khi xây dựng công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu viễn thám, chủ đầu tư phải thực hiện thủ tục về giao đất, cho thuê đất hoặc sử dụng công trình kiến trúc đã có để xây dựng công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu viễn thám, xác định hành lang bảo vệ công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu viễn thám theo quy định của pháp luật về đất đai và quy định khác của pháp luật có liên quan.

3. Khi lập kế hoạch xây dựng công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu viễn thám cần lấy ý kiến thẩm định của Bộ Thông tin và Truyền thông về vị trí đặt trạm, tần số sử dụng của trạm thu dữ liệu viễn thám, trạm điều khiển vệ tinh viễn thám trước khi trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

**Điều 13. Vận hành, bảo trì công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu viễn thám**

 1. Vận hành công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu viễn thám được quy định như sau:

a) Chủ đầu tư xây dựng công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu viễn thám phải lập quy trình vận hành trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt trước khi đưa vào khai thác, sử dụng;

b) Đối với công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu viễn thám đã xây dựng mà chưa có quy trình vận hành thì tổ chức được giao vận hành công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu viễn thám có trách nhiệm lập quy trình vận hành trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt;

c) Đối với công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu viễn thám đang khai thác, sử dụng mà quy trình vận hành không còn phù hợp thì tổ chức được giao vận hành công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu viễn thám có trách nhiệm điều chỉnh quy trình vận hành trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt;

2. Bảo trì công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu viễn thám là tập hợp các công việc nhằm bảo đảm và duy trì sự hoạt động bình thường, an toàn của công trình theo quy định của thiết kế trong quá trình khai thác, sử dụng. Nội dung bảo trì công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu viễn thám bao gồm một hoặc một số hoặc toàn bộ các công việc gồm kiểm tra, quan trắc, kiểm định chất lượng, bảo dưỡng và sửa chữa công trình. Mỗi loại công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu viễn thám phải có quy trình bảo trì quy định về trình tự, nội dung và chỉ dẫn thực hiện các công việc bảo trì công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu viễn thám.

3. Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy định về vận hành, bảo trì công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu viễn thám quốc gia.

4. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ ban hành quy định về vận hành, bảo trì công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu viễn thám chuyên ngành thuộc phạm vi quản lý.

5. Tổ chức, cá nhân được giao vận hành, bảo trì các công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu viễn thám phải thực hiện đúng quy định về vận hành, bảo trì đảm bảo công trình hạ tầng đo đạc luôn hoạt động bình thường theo đúng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, thiết kế khi xây dựng.

6. Kinh phí vận hành, bảo trì các công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu viễn thám do Nhà nước đầu tư được đảm bảo bằng ngân sách nhà nước.

**Điều 14. Tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư, xây dựng, quản lý vận hành, bảo trì, khai thác công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu viễn thám**

1. Bộ Tài nguyên và Môi trường lựa chọn dự án đầu tư để khuyến khích tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư xây dựng công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu viễn thám thuộc phạm vi quản lý theo hình thức trực tiếp đầu tư hoặc đầu tư theo hình thức đối tác công tư; tổ chức triển khai thực hiện sau khi được phê duyệt theo quy định của pháp luật về đầu tư; lựa chọn nội dung về quản lý vận hành, bảo trì, khai thác công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu viễn thám để khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia đấu thầu thực hiện.

2. Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lựa chọn dự án đầu tư để khuyến khích tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư dự án xây dựng công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu viễn thám chuyên ngành thuộc phạm vi quản lý; tổ chức triển khai thực hiện sau khi được phê duyệt theo quy định của pháp luật về đầu tư; lựa chọn nội dung về quản lý vận hành, bảo trì, khai thác công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu viễn thám để khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia đấu thầu thực hiện.

3. Dự án đầu tư khuyến khích tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư, xây dựng phải đảm bảo theo quy định của pháp luật về đầu tư; đảm bảo quyền lợi của nhà nước và tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư; đảm bảo quốc phòng, an ninh.

4. Việc đấu thầu về quản lý vận hành, bảo trì, khai thác công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu viễn thám thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu; đảm bảo hiệu quả đầu tư và khai thác, sử dụng công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu viễn thám; đảm bảo quốc phòng, an ninh.

**Điều 15. Hành lang bảo vệ công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu viễn thám**

1. Hành lang bảo vệ công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu viễn thám phải được xác định trong quá trình giao đất, cho thuê đất và giao chủ đầu tư quản lý, khai thác, sử dụng để đảm bảo công trình hoạt động ổn định theo thông số kỹ thuật thiết kế. Trong phạm vi hành lang bảo vệ công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu viễn thám, chỉ cho phép xây dựng công trình phụ trợ phục vụ hoạt động viễn thám của công trình hạ tầng. Đối với những công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu viễn thám đã được xây dựng và đang hoạt động ổn định trước khi Nghị định được ban hành thì giữ nguyên hiện trạng.
2. Việc cắm mốc giới để xác định và công bố công khai ranh giới hành lang bảo vệ công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu viễn thám thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai, ranh giới hành lang bảo vệ công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu viễn thám được xác định trên bản đồ địa chính theo quy định hiện hành.

 3. Hành lang bảo vệ của các công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu viễn thám được xác lập với bán kính 150 mét tính từ tâm ăng ten.

 4. Bảo vệ hành lang bảo vệ công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu viễn thám

 a) Trong phạm vi hành lang bảo vệ công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu viễn thám không được xây dựng công trình cao tầng, trồng cây lâu năm gây che chắn, đào, đắp và các hoạt động khác làm ảnh hưởng đến sự ổn định của công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu viễn thám;

b) Đối với trạm điều khiển vệ tinh viễn thám và trạm thu dữ liệu viễn thám (trừ trạm thu dữ liệu từ vệ tinh viễn thám địa tĩnh), ngoài hành lang bảo vệ được thiết lập theo khoản 3 điều này được trồng cây hoặc xây dựng công trình nhưng độ cao phải bảo đảm góc giữa đường nối tâm ăng ten tới điểm cao nhất của cây hoặc công trình và bề mặt ngang qua tâm ăng ten không vượt quá 2° (hai độ);

c) Khi triển khai mới các công trình hạ tầng để sử dụng các hệ thống vô tuyến điện có vùng phủ sóng có khả năng ảnh hưởng tới hành lang bảo vệ công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu viễn thám cần bảo đảm không được gây nhiễu có hại cho các trạm điều khiển vệ tinh viễn thám và trạm thu dữ liệu viễn thám; d) Cơ quan, tổ chức, cá nhân căn cứ quy định tại khoản 2 Điều này và quy định khác của pháp luật có liên quan xác định ranh giới và bảo vệ hành lang bảo vệ công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu viễn thám thuộc phạm vi quản lý.

**Điều 16. Trách nhiệm bảo vệ công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu viễn thám**

1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ ban hành quy định và tổ chức bảo vệ cho từng loại công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu viễn thám thuộc phạm vi quản lý.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân được giao bảo vệ công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu viễn thám phải thực hiện đúng quy định về bảo vệ cho từng loại công trình.

3. Người dân khi phát hiện công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu viễn thám bị phá hoại hoặc hành lang bảo vệ công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu viễn thám bị xâm phạm phải kịp thời thông báo với chính quyền địa phương hoặc cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền.

**Điều 17. Di dời công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu viễn thám**

1. Trong trường hợp thực hiện dự án, nhiệm vụ quốc phòng, an ninh đặc biệt cần phải di dờicông trình hạ tầng thu nhận dữ liệu viễn thám, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi cơ quan quản lý công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu viễn thám văn bản đề nghị yêu cầu phải di dời công trình kèm theo quyết định phê duyệt dự án, nhiệm vụ có liên quan.

2. Cơ quan quản lý công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu viễn thám phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, thỏa thuận, lựa chọn địa điểm mới để di dời công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu viễn thám.

3. Cơ quan quản lý công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu viễn thám phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức lập dự án di dời công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu viễn thám, gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Tài chính để thẩm định trước khi phê duyệt dự án.

4. Cơ quan quản lý công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu viễn thám phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức việc di dời công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu viễn thám.

5. Việc phá dỡ công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu viễn thám do hết hạn sử dụng, không còn giá trị sử dụng hoặc đã có công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu viễn thám khác thay thế do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định theo quy định của pháp luật về quản lý sử dụng tài sản công.

**Điều 18. Thu nhận dữ liệu viễn thám**

 1. Dữ liệu viễn thám được thu nhận từ các nguồn:

a) Trạm thu dữ liệu viễn thám của Việt Nam;

b) Mua, trao đổi, nhận viện trợ của nước ngoài.

 2. Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm xây dựng kế hoạch thu nhận dữ liệu viễn thám hàng năm, định kỳ 05 (năm) năm trên cơ sở tổng hợp nhu cầu của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và nhiệm vụ đột xuất được Nhà nước giao.

 3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ tổ chức triển khai việc thu nhận dữ liệu từ các trạm thu dữ liệu viễn thám thuộc phạm vi quản lý theo kế hoạch đã được phê duyệt.

4. Việc mua dữ liệu viễn thám của nước ngoài (nếu có) bằng nguồn ngân sách Nhà nước chỉ được thực hiện trong trường hợp trạm thu dữ liệu viễn thám ở Việt Nam và cơ sở dữ liệu viễn thám quốc gia không đáp ứng được yêu cầu về chủng loại, số lượng và thời gian thu nhận. Các đề án, dự án sử dụng ngân sách Nhà nước liên quan đến việc mua dữ liệu viễn thám của nước ngoài phải được Bộ Tài nguyên và Môi trường xem xét, thẩm định trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc trước khi thực hiện.

**Điều 19. Xử lý dữ liệu viễn thám**

1. Dữ liệu viễn thám mức 0 (không) được thu nhận tại trạm thu dữ liệu viễn thám ở Việt Nam phải được đánh giá chất lượng trước khi xử lý. Dữ liệu viễn thám mức 0 (không) đảm bảo yêu cầu kỹ thuật phải được xử lý để tạo ra dữ liệu ảnh viễn thám thô.

2. Dữ liệu ảnh viễn thám thô, dữ liệu ảnh viễn thám bản chính phải được bảo quản và lưu trữ trong cơ sở dữ liệu viễn thám.

**Chương III
CƠ SỞ DỮ LIỆU VIỄN THÁM**

**Điều 20. Cơ sở dữ liệu viễn thám**

1. Cơ sở dữ liệu viễn thám là tập hợp thông tin, dữ liệu viễn thám đã được kiểm tra, đánh giá và tổ chức quản lý, lưu trữ một cách có hệ thống được xây dựng, cập nhật và duy trì bao gồm cơ sở dữ liệu ảnh viễn thám, cơ sở dữ liệu siêu dữ liệu viễn thám, cơ sở dữ liệu sản phẩm viễn thám phục vụ quản lý nhà nước và các hoạt động kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh, nghiên cứu khoa học và giáo dục đào tạo, thuộc phạm vi quản lý của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

2. Cơ sở dữ liệu viễn thám quốc gia bao gồm cơ sở dữ liệu viễn thám do Bộ Tài nguyên và Môi trường quản lý, cơ sở dữ liệu siêu dữ liệu viễn thám tập hợp từ các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và cơ sở dữ liệu sản phẩm viễn thám.

3. Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm xây dựng, vận hành cơ sở dữ liệu viễn thám quốc gia

4. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm xây dựng, vận hành cơ sở dữ liệu viễn thám thuộc phạm vi quản lý, phù hợp kiến trúc Chính phủ điện tử cấp Bộ, kiến trúc Chính phủ điện tử cấp tỉnh.

**Điều 21. Vận hành, cập nhật cơ sở dữ liệu viễn thám**

1. Cơ quan được giao quản lý dữ liệu viễn thám có trách nhiệm:

a) Xây dựng các quy trình nghiệp vụ, kiểm soát để vận hành, duy trì cơ sở dữ liệu viễn thám;

b) Xây dựng kế hoạch, bố trí kinh phí bảo đảm thường xuyên, liên tục, định kỳ cập nhật nội dung cơ sở dữ liệu viễn thám;

c) Xây dựng và thực hiện các giải pháp đồng bộ bảo đảm cơ sở dữ liệu có hiệu suất vận hành và sẵn sàng đáp ứng cao;

d) Xây dựng và thực hiện các giải pháp về sao lưu, dự phòng và bảo mật bảo đảm tính nguyên vẹn, an toàn của cơ sở dữ liệu.

 2. Dữ liệu ảnh viễn thám, siêu dữ liệu viễn thám, sản phẩm viễn thám được tích hợp vào cơ sở dữ liệu viễn thám phải tuân thủ các quy chuẩn, tiêu chuẩn, quy định kỹ thuật về dữ liệu và sản phẩm ảnh viễn thám do Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành.

 3. Cơ sở dữ liệu viễn thám quốc gia phải được cập nhật thường xuyên để cung cấp cho người sử dụng. Trong đó, dữ liệu ảnh viễn thám có độ phân giải cao được cập nhật hàng năm, dữ liệu ảnh viễn thám có độ phân giải siêu cao được cập nhật 05 (năm) năm một lần phủ trùm lãnh thổ Việt Nam.

 4. Siêu dữ liệu viễn thám quốc gia phải được cập nhật thường xuyên để cung cấp thông tin cho người sử dụng và đảm bảo công tác công bố siêu dữ liệu viễn thám.

 **Điều 22. Công bố siêu dữ liệu viễn thám**

1. Công bố siêu dữ liệu viễn thám quốc gia định kỳ hàng năm

a) Nội dung báo cáo siêu dữ liệu viễn thám quốc gia định kỳ hàng năm theo mẫu số 01 quy định kèm theo Nghị định này;

b) Bộ Tài nguyên và Môi trường cập nhật, tổng hợp và xây dựng, tổ chức công bố siêu dữ liệu viễn thám quốc gia trước ngày 31 tháng 12 hàng năm;

c) Siêu dữ liệu viễn thám quốc gia được công bố định kỳ bằng văn bản và đăng trên Trang thông tin hoặc Cổng thông tin điện tử của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2. Công bố siêu dữ liệu viễn thám thường xuyên

a) Nội dung công bố siêu dữ liệu viễn thám thường xuyên theo mẫu số 1 ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày các cơ quan, tổ chức, cá nhân giao nộp; các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm công bố siêu dữ liệu viễn thám do mình quản lý.

c) Siêu dữ liệu viễn thám được công bố thường xuyên trên Trang thông tin hoặc Cổng thông tin điện tử của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

**Điều 23. Tạm hoãn công bố siêu dữ liệu viễn thám quốc gia**

1. Trong trường hợp vì những lý do bất khả kháng (thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh) thì việc công bố siêu dữ liệu viễn thám quốc gia được tạm hoãn.

2. Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thông báo việc tạm hoãn công bố siêu dữ liệu viễn thám quốc gia trên cổng thông tin điện tử của Bộ, trong đó phải nêu rõ lý do của việc tạm hoãn.

3. Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm công bố siêu dữ liệu viễn thám quốc gia ngay sau khi sự kiện bất khả kháng đã được khắc phục.

**Chương IV
LƯU TRỮ, CUNG CẤP, KHAI THÁC, SỬ DỤNG THÔNG TIN, DỮ LIỆU, SẢN PHẨM VIỄN THÁM**

**Điều 24. Danh mục thông tin, dữ liệu, sản phẩm viễn thám**

1. Thông tin về cơ sở hạ tầng viễn thám.

2. Dữ liệu viễn thám.

3. Siêu dữ liệu viễn thám.

4. Sản phẩm viễn thám.

5. Thông tin, dữ liệu quan trắc, giám sát tài nguyên và môi trường bằng viễn thám.

6. Đề án, dự án, báo cáo tổng kết, thiết kế kỹ thuật - dự toán thuộc lĩnh vực viễn thám.

7. Thông tin, dữ liệu, sản phẩm khác theo quy định của dự án, đề án, thiết kế kỹ thuật - dự toán về viễn thám được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

**Điều 25**. **Giao nộp và lưu trữ thông tin, dữ liệu, sản phẩm viễn thám**

1. Thông tin, dữ liệu, sản phẩm viễn thám của các dự án, đề án, nhiệm vụ chuyên môn viễn thám thực hiện bằng ngân sách nhà nước phải được chủ đầu tư dự án, đề án giao nộp để lưu trữ theo quy định. Thời hạn giao nộp không quá 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày thông tin, dữ liệu, sản phẩm viễn thám được nghiệm thu cấp chủ đầu tư. Danh mục thông tin, dữ liệu, sản phẩm viễn thám giao nộp theo quy định của dự án, đề án, thiết kế kỹ thuật - dự toán về viễn thám được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Thông tin, dữ liệu, sản phẩm viễn thám của các dự án, đề án, nhiệm vụ chuyên môn viễn thám do các đơn vị thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường thực hiện giao nộp để lưu trữ tại Cục Viễn thám quốc gia thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường trong thời hạn chậm nhất là 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày được nghiệm thu hoàn thành.

3. Thông tin, dữ liệu, sản phẩm viễn thám của các dự án, đề án, nhiệm vụ chuyên môn viễn thám do các đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được giao nộp cho Sở Tài nguyên và Môi trường các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; đồng thời cung cấp danh mục dữ liệu sản phẩm đã giao nộp cho Cục Viễn thám quốc gia thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường trong thời hạn chậm nhất là 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày được nghiệm thu hoàn thành để tổng hợp, lưu trữ.

4. Thông tin, dữ liệu, sản phẩm viễn thám do các đơn vị thuộc phạm vi quản lý của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ giao nộp cho cơ quan, tổ chức lưu trữ thuộc các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; đồng thời cung cấp danh mục dữ liệu sản phẩm đã giao nộp cho Cục Viễn thám quốc gia thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường trong thời hạn chậm nhất là 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày được nghiệm thu hoàn thành để tổng hợp, lưu trữ.

5. Thông tin, dữ liệu, sản phẩm viễn thám giao nộp để lưu trữ phải được Thủ trưởng cơ quan chủ đầu tư kiểm tra, nghiệm thu chất lượng sản phẩm và các cấp có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật có liên quan ký tên, đóng dấu xác nhận.

6. Cơ quan, tổ chức giao nộp thông báo cho cơ quan, tổ chức lưu trữ về việc giao nộp thông tin, dữ liệu, sản phẩm viễn thám; Trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo, cơ quan, tổ chức lưu trữ có trách nhiệm tiếp nhận và lập biên bản bàn giao.

7. Cơ quan, tổ chức lưu trữ có trách nhiệm tổ chức việc lưu trữ thông tin, dữ liệu viễn thám theo quy định của pháp luật về lưu trữ, đảm bảo đủ cơ sở vật chất, phương tiện, thiết bị phục vụ việc lưu trữ, bảo quản an toàn, thuận tiện cho việc khai thác, sử dụng.

**Điều 26. Hình thức khai thác và sử dụng dữ liệu viễn thám**

Việc khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu viễn thám thực hiện theo các hình thức sau đây:

1. Khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu qua trang thông tin hoặc cổng thông tin điện tử hoặc kết nối, truy nhập, chia sẻ thông tin với cơ sở dữ liệu viễn thám của cơ quan quản lý, cung cấp thông tin, dữ liệu viễn thám.

2. Khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu thông qua phiếu yêu cầu

3. Khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu bằng hình thức hợp đồng giữa đơn vị quản lý thông tin, dữ liệu và bên khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu theo quy định của pháp luật.

**Điều 27. Khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu qua trang thông tin hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan cung cấp thông tin, dữ liệu viễn thám**

1. Tổ chức, cá nhân khi khai thác thông tin, dữ liệu viễn thám trên trang thông tin hoặc cổng thông tin điện tử phải đăng ký và được cấp quyền truy cập, khai thác thông tin, dữ liệu từ cơ quan cung cấp thông tin, dữ liệu.

2. Tổ chức, cá nhân được cấp quyền truy cập có trách nhiệm truy cập đúng địa chỉ, mã khóa; không được làm lộ địa chỉ, mã khóa truy cập đã được cấp.

3. Cơ quan cung cấp thông tin, dữ liệu có trách nhiệm:

a) Bảo đảm cho tổ chức, cá nhân truy cập thuận tiện; có công cụ tìm kiếm thông tin, dữ liệu dễ sử dụng và cho kết quả đúng nội dung cần tìm kiếm;

b) Bảo đảm khuôn dạng thông tin, dữ liệu theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.

4. Trường hợp tạm ngừng cung cấp thông tin, dữ liệu, dịch vụ có liên quan trên môi trường mạng, cơ quan cung cấp thông tin, dữ liệu có trách nhiệm:

a) Thông báo công khai chậm nhất là 07 (bảy) ngày làm việc trước khi chủ động tạm ngừng cung cấp thông tin, dữ liệu, dịch vụ có liên quan trên mạng để sửa chữa, khắc phục các sự cố hoặc nâng cấp, mở rộng cơ sở hạ tầng thông tin; nội dung thông báo phải nêu rõ khoảng thời gian dự kiến phục hồi các hoạt động cung cấp thông tin, dữ liệu, dịch vụ có liên quan trên môi trường mạng, trừ trường hợp bất khả kháng;

b) Tiến hành các biện pháp khắc phục sự cố.

**Điều 28. Phiếu yêu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu viễn thám**

1. Việc khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu theo hình thức phiếu yêu cầu được thực hiện theo quy định sau:

a) Các tổ chức, cá nhân có nhu cầu khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu căn cứ danh mục thông tin, dữ liệu hiện có, lập phiếu yêu cầu (theo Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này) nộp trực tiếp, qua bưu điện hoặc trên môi trường mạng điện tử cho các đơn vị quản lý thông tin, dữ liệu;

b) Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, cơ quan quản lý thông tin, dữ liệu tiếp nhận kiểm tra phiếu yêu cầu, thông báo nghĩa vụ tài chính (trường hợp phải thực hiện nghĩa vụ tài chính) cho tổ chức, cá nhân. Trường hợp từ chối cung cấp thông tin, dữ liệu thì phải nêu rõ lý do và trả lời bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân biết;

c) Sau khi tổ chức, cá nhân thực hiện nghĩa vụ tài chính, cơ quan quản lý thông tin, dữ liệu có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, chính xác các thông tin, dữ liệu cho các tổ chức, cá nhân.

2. Phiếu yêu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu viễn thám bao gồm các nội dung chủ yếu sau:

a) Tên, địa chỉ của cơ quan, tổ chức, cá nhân yêu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu;

b) Danh mục và nội dung thông tin, dữ liệu cần cung cấp;

c) Mục đích sử dụng thông tin, dữ liệu;

d) Hình thức khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu và phương thức nhận kết quả.

3. Phiếu yêu cầu của cơ quan, tổ chức phải có chữ ký của thủ trưởng cơ quan và đóng dấu xác nhận. Phiếu yêu cầu của cá nhân phải ghi rõ họ tên, địa chỉ và chữ ký của người yêu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu.

4. Trường hợp người có nhu cầu khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu viễn thám là cá nhân nước ngoài tại Việt Nam thì phiếu yêu cầu phải được tổ chức, doanh nghiệp nơi người đó đang làm việc ký xác nhận, đóng dấu; đối với các chuyên gia, thực tập sinh là người nước ngoài đang làm việc cho các chương trình, dự án tại các bộ, ngành, địa phương hoặc học tập tại các cơ sở đào tạo tại Việt Nam thì phải được cơ quan có thẩm quyền của bộ, ngành, địa phương hoặc các cơ sở đào tạo đó ký xác nhận, đóng dấu theo Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

**Điều 29. Khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu viễn thám bằng hình thức hợp đồng**

Việc khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu viễn thám bằng hình thức hợp đồng thực hiện theo quy định của Bộ luật Dân sự giữa cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu và tổ chức, cá nhân có nhu cầu khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu. Mẫu hợp đồng cung cấp, khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu viễn thám theo Mẫu số 04 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

**Điều 30. Trách nhiệm và quyền hạn của tổ chức, cá nhân khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu viễn thám**

1. Không được chuyển thông tin, dữ liệu viễn thám cho bên thứ ba sử dụng trừ trường hợp được thỏa thuận trong hợp đồng với cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin, dữ liệu hoặc cấp có thẩm quyền cho phép.

2. Tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng dữ liệu viễn thám thuộc sở hữu nhà nước phải trả phí theo quy định pháp luật về phí, lệ phí; trường hợp phục vụ cho mục đích quốc phòng, an ninh hoặc trong tình trạng khẩn cấp chỉ phải trả mức phí cần thiết để thực hiện công việc cung cấp dịch vụ khai thác và sử dụng dữ liệu ảnh viễn thám theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

3. Tuân thủ quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ.

4. Thông báo kịp thời cho cơ quan quản lý thông tin, dữ liệu về những sai sót của thông tin, dữ liệu đã cung cấp.

5. Được khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật khi bị vi phạm quyền khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu của mình.

**Điều 31. Cung cấp thông tin, dữ liệu, sản phẩm viễn thám cho tổ chức, cá nhân trong nước**

1. Thông tin, dữ liệu, sản phẩm viễn thám là tài sản công được cung cấp, khai thác, sử dụng dưới dạng bản sao hoặc dưới dạng xuất bản phần mềm điện tử. Tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin, dữ liệu viễn thám có trách nhiệm về nguồn gốc của bản sao.

2. Thông tin, dữ liệu, sản phẩm viễn thám được công bố và cung cấp rộng rãi cho cơ quan, tổ chức, cá nhân theo nhu cầu sử dụng.

3. Thông tin dữ liệu sản phẩm viễn thám được ưu tiên cung cấp theo yêu cầu trực tiếp của lãnh đạo Đảng và Nhà nước hoặc trong tình trạng khẩn cấp.

4. Thông tin, dữ liệu, sản phẩm viễn thám thuộc phạm vi bí mật nhà nước cấp độ Mật chỉ được cung cấp khi có yêu cầu bằng văn bản của cơ quan, tổ chức cấp Cục, Vụ (hoặc tương đương) thuộc bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ hoặc Giám đốc Sở (hoặc tương đương) thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ký duyệt.

5. Thông tin, dữ liệu, sản phẩm viễn thám thuộc phạm vi bí mật nhà nước cấp độ Tối mật chỉ được cung cấp khi có yêu cầu bằng văn bản của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước, người đứng đầu các cơ quan của Quốc hội, người đứng đầu các cơ quan của Trung ương Đảng, người đứng đầu tổ chức chính trị - xã hội.

6. Tổ chức cung cấp thông tin, dữ liệu viễn thám chịu trách nhiệm trước pháp luật về nguồn gốc, tính chính xác, đầy đủ của thông tin, dữ liệu viễn thám do mình cung cấp.

**Điều 32. Quản lý chất lượng, đo lường, kiểm tra, thẩm định trong hoạt động viễn thám**

1. Việc xây dựng, công bố, ban hành và áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia của lĩnh vực viễn thám được thực hiện theo quy định về pháp luật về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật, đảm bảo đồng bộ, thống nhất, phù hợp với xu hướng phát triển công nghiệp.

2. Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm xây dựng tiêu chuẩn quốc gia về viễn thám gửi Bộ Khoa học và Công nghệ thẩm định và công bố tiêu chuẩn quốc gia; xây dựng tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia về viễn thám gửi Bộ Khoa học và Công nghệ thẩm định trước khi ban hành.

3. Quản lý chất lượng viễn thám:

a) Quản lý chất lượng sản phẩm viễn thám được thực hiện theo Luật Chất lượng Sản phẩm, Hàng hóa;

b) Chất lượng sản phẩn viễn thám được quản lý trên cơ sở tiêu chuẩn công bố áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng;

c) Tổ chức, cá nhân phải công bố tiêu chuẩn áp dụng và công bố hợp quy về sản phẩm viễn thám do mình tạo ra;

d) Tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm trước pháp luật về chất lượng sản phẩm viễn thám do mình tạo ra.

4. Kiểm tra, thẩm định

a) Tổ chức, cá nhân trực tiếp thực hiện dự án, đề án, nhiệm vụ chuyên môn viễn thám phải chịu trách nhiệm về chất lượng phần dự án, đề án, nhiệm vụ chuyên môn viễn thám do mình thực hiện;

b) Chủ đầu tư có trách nhiệm tổ chức kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu dự án, đề án, nhiệm vụ chuyên môn viễn thám và chịu trách nhiệm toàn bộ về chất lượng dự án, đề án, nhiệm vụ chuyên môn viễn thám;

Chủ đầu tư sử dụng cơ quan chuyên môn, thuê tổ chức có chức năng tư vấn về viễn thám, thuê chuyên gia để kiểm tra, thẩm định chất lượng dự án, đề án, nhiệm vụ chuyên môn viễn thám;

c) Tổ chức có chức năng, nhiệm vụ về kiểm tra chất lượng dự án, đề án, nhiệm vụ chuyên môn viễn thám thì được thực hiện kiểm tra chất lượng dự án, đề án, nhiệm vụ chuyên môn viễn thám theo đề nghị của chủ đầu tư và chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước chủ đầu tư về kết quả kiểm tra;

Cá nhân thực hiện kiểm tra chất lượng dự án, đề án, nhiệm vụ chuyên môn viễn thám phải đáp ứng về năng lực chuyên môn và kinh nghiệm nghề nghiệp theo yêu cầu của chủ đầu tư và chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước chủ đầu tư về kết quả kiểm tra.

5. Kiểm định thiết bị sử dụng trong hoạt động viễn thám

a) Việc quản lý thiết bị đo lường sử dụng trong hoạt động viễn thám được thực hiện theo pháp luật về đo lường;

b) Các thiết bị đo lường sử dụng trong hoạt động viễn thám phải được kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm bởi các tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm đã đăng ký hoạt động theo quy định tại Nghị định số 105/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động của tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường;

c) Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành danh mục thiết bị phải được kiểm định, hiệu chuẩn trong hoạt động viễn thám theo đề xuất của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

**Chương V
 TRÁCH NHIỆM VỀ HOẠT ĐỘNG VIỄN THÁM**

**Điều 33. Trách nhiệm của Bộ Tài nguyên và Môi trường**

1. Chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện thống nhất quản lý nhà nước về hoạt động viễn thám.

2. Xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt kế hoạch xây dựng hệ thống thu nhận dữ liệu viễn thám quốc gia.

3. Xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chiến lược phát triển, kế hoạch, chương trình mục tiêu, dự án trọng điểm về viễn thám và tổ chức thực hiện sau khi được phê duyệt.

4. Ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền các văn bản quy phạm pháp luật, tiểu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, định mức kinh tế kỹ thuật của lĩnh vực viễn thám.

5. Thẩm định sự cần thiết, phạm vi, giải pháp kỹ thuật công nghệ, nội dung về viễn thám trong các chương trình, đề án, dự án, nhiệm vụ có sử dụng ngân sách trung ương.

6. Tổ chức triển khai các nhiệm vụ viễn thám thuộc phạm vi quản lý.

7. Quản lý chất lượng sản phẩm viễn thám.

8. Xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức trong lĩnh vực viễn thám.

9. Làm đầu mối các hoạt động hợp tác quốc tế trong lĩnh vực viễn thám.

10. Tổng hợp và công bố siêu dữ liệu viễn thám của cơ sở dữ liệu viễn thám quốc gia.

11. Tổng hợp nhu cầu sử dụng dữ liệu viễn thám của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh định kỳ hàng năm, 05 (năm) năm và theo nhiệm vụ đột xuất nhà nước giao.

12. Chủ trì tổ chức triển khai việc thu nhận, lưu trữ, xử lý, cung cấp dữ liệu ảnh viễn thám; xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu viễn thám quốc gia.

13. Xây dựng, quản lý, khai thác và vận hành công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu viễn thám thuộc phạm vi quản lý của Bộ.

14. Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành quy định của pháp luật về viễn thám và xử lý vi phạm pháp luật về viễn thám.

**Điều 34. Trách nhiệm của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có liên quan**

1. Phê duyệt và tổ chức triển khai thực hiện các đề án, dự án về ứng dụng viễn thám trong phạm vi quản lý, đảm bảo không chồng chéo với kế hoạch, dự án của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và các địa phương khác.

2. Thực hiện việc quản lý chất lượng sản phẩm viễn thám, lưu trữ và cung cấp thông tin, dữ liệu viễn thám thuộc phạm vi quản lý.

3. Hàng năm báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường về tình hình hoạt động viễn thám thuộc phạm vi quản lý.

4. Chịu trách nhiệm xây dựng, quản lý, vận hành vệ tinh viễn thám, trạm thu dữ liệu viễn thám chuyên ngành, trạm điều khiển vệ tinh viễn thám thuộc phạm vi quản lý; báo cáo định kỳ hàng quý hoặc đột xuất về Bộ Tài nguyên và Môi trường.

5. Xây dựng nhu cầu sử dụng dữ liệu viễn thám thuộc phạm vi quản lý định kỳ hàng năm, 05 (năm) năm và theo nhiệm vụ đột xuất nhà nước giao, gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp và thống nhất việc thu nhận.

6. Triển khai thực hiện việc thu nhận, lưu trữ, xử lý dữ liệu ảnh viễn thám; xây dựng cơ sở dữ liệu ảnh viễn thám thuộc phạm vi quản lý.

7. Chịu trách nhiệm bảo đảm hành lang an toàn kỹ thuật và bảo vệ các công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu viễn thám thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại Nghị định này và pháp luật có liên quan.

8. Xây dựng, cập nhật, công bố siêu dữ liệu viễn thám để đáp ứng yêu cầu khai thác và sử dụng thuộc phạm vi quản lý; cung cấp bản sao dữ liệu và siêu dữ liệu ảnh viễn thám mua từ nước ngoài bằng nguồn ngân sách nhà nước cho Bộ Tài nguyên và Môi trường để tích hợp vào cơ sở dữ liệu viễn thám quốc gia trong thời hạn chậm nhất là 03 (ba) tháng, kể từ ngày nhận được dữ liệu từ nhà cung cấp.

**Điều 35. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh**

1. Phê duyệt và tổ chức triển khai thực hiện các đề án, dự án về ứng dụng viễn thám trong phạm vi quản lý, đảm bảo không chồng chéo với kế hoạch, dự án của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và các địa phương khác;

2. Bảo đảm hành lang an toàn kỹ thuật và bảo vệ các công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu viễn thám thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại Nghị định này và các quy định pháp luật khác có liên quan;

3. Xây dựng nhu cầu sử dụng dữ liệu viễn thám thuộc phạm vi quản lý của địa phương định kỳ hàng năm, 05 (năm) năm và theo nhiệm vụ đột xuất nhà nước giao, gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp và thống nhất việc thu nhận.

4. Triển khai thực hiện việc thu nhận, lưu trữ, xử lý dữ liệu ảnh viễn thám thuộc phạm vi quản lý.

5. Xây dựng, cập nhật, công bố siêu dữ liệu viễn thám để đáp ứng yêu cầu khai thác và sử dụng thuộc phạm vi quản lý của địa phương; cung cấp bản sao dữ liệu và siêu dữ liệu ảnh viễn thám mua từ nước ngoài bằng nguồn ngân sách nhà nước cho Bộ Tài nguyên và Môi trường để tích hợp vào cơ sở dữ liệu viễn thám quốc gia trong thời hạn chậm nhất là 03 (ba) tháng, kể từ ngày nhận được dữ liệu từ nhà cung cấp.

6. Quản lý chất lượng sản phẩm viễn thám, lưu trữ và cung cấp thông tin, dữ liệu viễn thám thuộc phạm vi quản lý của địa phương.

 7. Thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm trong việc chấp hành các quy định pháp luật của các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động viễn thám thuộc phạm vi quản lý.

8. Hàng năm báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường về tình hình hoạt động viễn thám thuộc phạm vi quản lý của địa phương.

**Điều 36. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân**

1. Tuân thủ các quy định pháp luật về viễn thám khi tham gia hoạt động viễn thám.

2. Giữ gìn, bảo vệ các công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu viễn thám theo quy định của pháp luật.

**Điều 37. Báo cáo về hoạt động viễn thám**

1. Đối tượng lập báo cáo hàng năm về hoạt động viễn thám gồm Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
2. Kỳ báo cáo tính từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 hàng năm.
3. Báo cáo được gửi bằng văn bản điện tử có chữ ký số của người có thẩm quyền hoặc văn bản giấy do người có thẩm quyền ký và đóng dấu.

4. Trách nhiệm lập và gửi báo cáo về hoạt động viễn thám

a) Tổ chức hoạt động viễn thám thuộc phạm vi quản lý của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ lập báo cáo về hoạt động viễn thám. Báo cáo gửi cơ quan chủ quản trong thời hạn 05 (năm) ngày sau khi kết thúc kỳ báo cáo;

b) Tổ chức hoạt động viễn thám thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập báo cáo về hoạt động viễn thám. Báo cáo gửi Sở Tài nguyên và Môi trường trong thời hạn 05 (năm) ngày sau khi kết thúc kỳ báo cáo;

c) Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập báo cáo về hoạt động viễn thám thuộc phạm vi quản lý gửi về Bộ Tài nguyên và Môi trường thông qua Cục Viễn thám quốc gia trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày sau khi kết thúc kỳ báo cáo;

d) Cục Viễn thám quốc gia lập báo cáo về hoạt động viễn thám trên phạm vi cả nước trình Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ký, gửi Chính phủ trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày sau khi kết thúc kỳ báo cáo;

5. Ngoài việc thực hiện báo cáo định kỳ, khi có yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về viễn thám thì cơ quan, tổ chức liên quan có trách nhiệm báo cáo đột xuất về tình hình hoạt động viễn thám theo yêu cầu.

6. Cơ quan, tổ chức chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin, số liệu trong báo cáo về hoạt động viễn thám của mình.

**Điều 38. Xử lý vi phạm pháp luật về viễn thám**

1. Bộ Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức kiểm tra, xử lý vi phạm trong việc chấp hành các quy định pháp luật về viễn thám đối với các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động viễn thám thuộc phạm vi quản lý.

2. Cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật trong hoạt động viễn thám thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

3. Tổ chức vi phạm pháp luật trong hoạt động viễn thám thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý vi phạm hành chính, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

**Điều 39. Quản lý các dự án, đề án, nhiệm vụ chuyên môn viễn thám**

1. Cơ quan, tổ chức thực hiện các dự án, đề án, nhiệm vụ chuyên môn viễn thám bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước theo kế hoạch đầu tư công trung hạn, hàng năm và đột xuất trên cơ sở dự án được lập theo các quy định hiện hành phải báo cáo về tình hình thực hiện cho cơ quan quản lý nhà nước về viễn thám.

2. Dự án, đề án, nhiệm vụ chuyên môn viễn thám được đầu tư bằng nguồn vốn của các tổ chức quốc tế, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài phải có ý kiến của cơ quan quản lý nhà nước về viễn thám trước khi thực hiện.

**Chương VI
 TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ HIỆU LỰC THI HÀNH**

**Điều 40. Tổ chức thực hiện**

1. Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ trưởng các Bộ, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm hướng dẫn thi hành các điều, khoản được giao trong Nghị định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

**Điều 41. Hiệu lực thi hành**

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2019./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Ban Bí thư Trung ương Đảng;- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;- Văn phòng Tổng Bí thư;- Văn phòng Chủ tịch nước;- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;- Văn phòng Quốc hội;- Tòa án nhân dân tối cao;- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;- Kiểm toán nhà nước;- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;- Ngân hàng Chính sách xã hội;- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;- Lưu: VT, KTXH (2). | **TM. CHÍNH PHỦTHỦ TƯỚNG****Nguyễn Xuân Phúc** |

**PHỤ LỤC**

*(Ban hành kèm theo Nghị định số /NĐ-CP ngày tháng năm 20 của Chính phủ về hoạt động viễn thám)*

|  |  |
| --- | --- |
| Mẫu số 01 |  Báo cáo công bố siêu dữ liêu viễn thám |
| Mẫu số 02 |  Phiếu yêu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu viễn thám  |
| Mẫu số 03 |  Mẫu phiếu yêu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu viễn thám đối với cá nhân nước ngoài tại Việt Nam |
| Mẫu số 04 |  Hợp đồng cung cấp, khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu viễn thám |

 Mẫu số 01

|  |  |
| --- | --- |
| CƠ QUAN CHỦ QUẢN | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /  | *……., ngày tháng năm 20*  |

**BÁO CÁO CÔNG BỐ SIÊU DỮ LIỆU VIỄN THÁM NĂM**

|  |  |
| --- | --- |
| Tên Cơ quan |  |
| Tên (Tiếng Anh) |  |
| Bộ chủ quản |  |
| Cơ quan quản lý trực tiếp |  |
| Địa chỉ |  |
| Số điện thoại/fax |  |
| Email / website |  |

**I. Tổng quan trạm thu dữ liệu viễn thám**

**II. Kết quả vận hành Trạm thu dữ liệu viễn thám**

**III. Tình hình kết quả thu dữ liệu viễn thám**

**IV. Đánh giá về hiệu quả phục vụ cung cấp dữ liệu ảnh cho các Bộ, Ngành địa phương.**

**V. Thuận lợi và khó khăn**

**Thuận lợi:**

**Khó khăn:**

**VI. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ**

Trân trọng./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên;- … | **THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ** |

Biểu 1. Cung cấp thông tin chi tiết về trạm thu ảnh viễn thám

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên trang thiết bịvà tính năng kỹ thuật chính |  Kinh phí đầu từ | Nguồn kinh phí duy trì hoạt động | Thời gian hoạt động | Tình trạng hoạt động | Thời gian nâng cấp | Các loại ảnh thu tại trạm | Khối lượng dữ liệu thu hàng năm | Tình hình ứng dụng dữ liệu | Chú thích  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**Mẫu số 02**

|  |  |
| --- | --- |
| **CƠ QUAN, TỔ CHỨC**Số: / | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***......., ngày tháng năm 20* |

Kính gửi: …………………………………….

Tên cơ quan, tổ chức đề nghị cung cấp dữ liệu viễn thám:……............................................................................................................

Địa chỉ:……………………………………………………..…………………………………………………….……………………

Số điện thoại:………………………….Fax:……….…………….…..Email:……………………….………………….…….………

Tên người đại diện liên hệ:……………………………………..… Số điện thoại:……..……………. Email:….………..…………

Thông tin về dữ liệu viễn thám cần cung cấp năm 20 :

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Loại ảnhviễn thám1 | Mức độ xử lý2 | Độ phân giải3 | Thời gian chụp ảnh4 | Khu vực yêu cầu5 | Số lượng6 |
| SPOT6,77 |  |  |  |  |  |
| VNREDSat18 |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
| *Khác (ghi rõ)* |  |  |  |  |  |

Mục đích sử dụng dữ liệu viễn thám *(tên Đề án, Dự án, Công trình*,..):……………………….…………………………………….

…………………………………………………………………………………………………………………………………………

Nguồn kinh phí dự kiến:

 Sự nghiệp Khoa học

 Sự nghiệp Kinh tế

 Sự nghiệp Môi trường

 Địa phương

 ODA

Khác *(ghi rõ)*:……………………………………………………………………

Sơ đồ khu vực yêu cầu cung cấp ảnh viễn thám5: *(gửi kèm theo công văn này)*

|  |
| --- |
| **Thủ trưởng cơ quan, tổ chức đề nghị cung cấp dữ liệu viễn thám** *(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)* |
|  |

1. **Giải thích:**

 Loại ảnh viễn thám: trong bảng đã liệt kê những loại dữ liệu viễn thám hiện có trong cơ sở dữ liệu tại Cục Viễn thám quốc gia. Đối với những loại dữ liệu viễn thám khác đề nghị ghi rõ tên.

2 Mức độ xử lý gồm 3 mức, đề nghị ghi rõ 1 trong 3 mức xử lý này:

- Mức 1A: là dữ liệu *ảnh thô, được xử lý sơ bộ nhằm loại bỏ sai số trong của đầu thu và tín hiệu nhiễu do ảnh hưởng của khí quyển.*

*- Mức 2A: là dữ liệu ảnh đã được xử lý sơ bộ về phổ và hình học, chưa loại bỏ ảnh hưởng do chênh cao địa hình*

*- Mức 3:là dữ liệu ảnh đã được hiệu chỉnh phổ và hình học bằng điểm khống chế mặt đất , đưa về hệ tọa độ bản đồ. Còn gọi là bình đồ ảnh hoặc ảnh trực giao, có độ chính xác tương đương với bản đồ địa hình.. Đối với mức xử lý này đề nghị ghi rõ độ chính xác tương đương với bản đồ địa hình. VD: 1:25 000.*

3 Độ phân giải: là độ phân giải mặt đất của dữ liệu viễn thám theo đơn vị mét. VD: dữ liệu viễn thám SPOT5 đa phổ có độ phân giải là 10m.

4 Thời gian chụp ảnh: là thời gian mà dữ liệu viễn thám ghi nhận thông tin. VD: 23/12/2013

5 Khu vực yêu cầu là khu vực yêu cầu đặt dữ liệu, có thể mô tả theo các cách sau:

- Theo tọa độ 4 góc hình tứ giác phủ trùm khu vực yêu cầu.

- Theo địa giới hành chính.

6 Số lượng: số lượng cảnh ảnh phủ trùm khu vực yêu cầu ảnh viễn thám.

7 SPOT6,7: Ảnh SPOT6,7 với 1 kênh toàn sắc độ phân giải đến 1.5m và 4 kênh đa sắc với độ phân giải đến 5m, thường được sử dụng để lập và cập nhật bản đồ sử dụng đất, bản đồ nông nghiệp và bản đồ rừng ở các tỷ lệ lớn.

8VNREDSat1: Ảnh VNREDSat1 với 1 kênh toàn sắc độ phân giải đến 2.5m và 4 kênh đa sắc với độ phân giải đến 10m, thường được sử dụng để lập và cập nhật bản đồ sử dụng đất, bản đồ nông nghiệp và bản đồ rừng ở các tỷ lệ lớn...Dữ liệu ảnh VNREDSat1 được cập nhật từ tháng 8 năm 2013 đến nay.

9 **Ghi chú**:

Về mức thu phí khai thác và sử dụng dữ liệu viễn thám quốc gia theo quy định của Bộ Tài chính.

**Mẫu số 03**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**---------------**

*…………, ngày …… tháng …… năm ……*

Kính gửi: ………………………….

1. Người yêu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu:.......................................................................................................................................

…………………………………………………………………………………………………………………………………………

2. Nơi đang làm việc, học tập:...............................................................................................................................................................

………………………………………………………………………………………………………………………………………...

3. Quốc tịch, Số Hộ chiếu:.....................................................................................................................................................................

4. Số điện thoại, fax, E-mail:.................................................................................................................................................................

5. Danh mục và nội dung thông tin, dữ liệu yêu cầu cung cấp:.............................................................................................................

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Loại ảnhviễn thám1 | Mức độ xử lý2 | Độ phân giải3 | Thời gian chụp ảnh4 | Khu vực yêu cầu5 | Số lượng6 |
| SPOT6,77 |  |  |  |  |  |
| VNREDSat18 |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
| *Khác (ghi rõ)* |  |  |  |  |  |

Sơ đồ khu vực yêu cầu cung cấp ảnh viễn thám: *(gửi kèm theo công văn này)…..*.....................................................................

6. Mục đích sử dụng thông tin, dữ liệu:.................................................................................................................................................

7. Hình thức khai thác, sử dụng và phương thức nhận kết quả (xem, đọc tại chỗ; sao chụp; nhận trực tiếp tại cơ quan cung cấp thông tin, dữ liệu hoặc gửi qua đường bưu điện... ):..............................................................................................................................

8. Cam kết của người yêu cầu sử dụng thông tin, dữ liệu:.....................................................................................................................

|  |  |
| --- | --- |
| **XÁC NHẬN CỦA TỔ CHỨC****NƠI ĐANG LÀM VIỆC, HỌC TẬP***(Ký xác nhận, đóng dấu)* | **NGƯỜI YÊU CẦU***(Ký, ghi rõ họ tên)* |

**Mẫu số 04**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**---------------**

*…………, ngày …… tháng …… năm ……*

**HỢP ĐỒNG**

**CUNG CẤP, KHAI THÁC, SỬ DỤNG**

**THÔNG TIN, DỮ LIỆU VIỄN THÁM**

Số:              /HĐ

Căn cứ Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào nhu cầu và khả năng của hai bên,

Hôm nay, ngày…. tháng …. năm …., tại …….., chúng tôi gồm:

1. Bên cung cấp thông tin, dữ liệu (Bên A):

Đại diện:..................................................................................................................

Chức vụ:..................................................................................................................

Địa chỉ:....................................................................................................................

Điện thoại:……………… Fax: ………………… Email: .....................................

Số tài khoản :...........................................................................................................

Tại Ngân hàng: …………………………………………………………………...

2. Bên khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu (Bên B):

Tên tổ chức, cá nhân:...............................................................................................

Đại diện:..................................................................................................................

Chức vụ:............................................................................................................................

Địa chỉ:...........................................................................................................................

Điện thoại ……………… Fax: ………………… Email: .....................................

Số tài khoản :...........................................................................................................

Tại Ngân hàng: …………………………………………………………………...

Hai bên thỏa thuận ký hợp đồng khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu như sau:

**Điều 1.** Nội dung hợp đồng:

*(Về việc cung cấp, khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu)*

.................................................................................................................................

.................................................................................................................................

**Điều 2.** Thời gian thực hiện:

………………… ngày, kể từ ngày ……. tháng…….. năm ……………...………

**Điều 3.** Hình thức khai thác, sử dụng và phương thức nhận kết quả:

- Hình thức khai thác, sử dụng:...............................................................................

- Khai thác sử dụng thông qua việc truy cập:..........................................................

- Nhận trực tiếp tại cơ quan cung cấp thông tin, dữ liệu:........................................

- Nhận gửi qua đường bưu điện:..............................................................................

**Điều 4.** Giá trị hợp đồng và phương thức thanh toán:

Tiền trả cho việc khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu là:........................................... đồng

(Bằng chữ:................................................................................................... đồng)

Trong đó: Tiền khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu là:................................ đồng

Tiền dịch vụ cung cấp thông tin, dữ liệu là:................................................... đồng

Số tiền đặt trước:............................................................................................ đồng

Hình thức thanh toán *(tiền mặt, chuyển khoản):*....................................................

**Điều 5.** Trách nhiệm và quyền hạn của hai bên:

.................................................................................................................................

.................................................................................................................................

**Điều 6.** Bổ sung, sửa đổi và chấm dứt hợp đồng và xử lý tranh chấp:

.................................................................................................................................

.................................................................................................................................

**Điều 7.** Điều khoản chung

1. Hợp đồng này được làm thành …….. bản, có giá trị pháp lý ngang nhau, bên A giữ …… bản, bên B giữ ……… bản.

2. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày................................................................

|  |  |
| --- | --- |
| **BÊN B***(Ký tên, đóng dấu đối với tổ chức,* *ghi họ tên đối với cá nhân)* | **BÊN A***(Ký tên, đóng dấu)* |